

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 8 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Cúc Phương

2. Ông Lò Văn Hoan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Hồng Q.** Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng V.** Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Nguyễn Thị Hồng V có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2016 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương gì nhau. Xét thấy vợ chồng

không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá căng thẳng không thể hàn gắn nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà V.

- Về con chung: Ông Q và bà V có một con chung là cháu Lê Quang T - sinh ngày 20/3/2016. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với ông Q. Ông Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có khoản nợ nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Q có đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## *2. Tại bản tự khai của mình bị đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Q có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2016 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà V nhất trí ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Bà V và ông Q có một con chung là cháu Lê Quang T - sinh ngày 20/3/2016. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với ông Q. Bà V đồng ý để ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có khoản nợ nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo Bản tự khai, bà V có đơn từ chối hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

## *3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện cơ bản đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, đều có đơn từ chối hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Q.

Về hôn nhân: Ông Lê Hồng Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng V.

Về con chung: Giao cháu Lê Quang T, sinh ngày 20/3/2016 cho ông Lê Hồng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Hồng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Quá trình giải quyết vụ án do các đương sự đều có đơn từ chối hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207/BLTTDS Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự mà chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Về việc vắng mặt đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 31 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự có căn cứ để xác định: Bà Vân và ông Quang có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/5/2016 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất: Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không tình cảm với nhau.

Như vậy, có căn cứ để xác định: ông Q, bà V đã sống ly thân vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền,

nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

**[3.2] Về con chung:**

Các đương sự đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Lê Quang T - sinh ngày 20/3/2016. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với ông Q. Các bên đều có ý kiến để ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Q không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu T đã ở với bố từ nhỏ, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay ông Q có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của ông Q.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Q tự nguyện không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX chấp nhận.

**[3.3] Về tài sản chung và nợ:** Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất không có.

**[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.**

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Q.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Hồng Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng V.

2. Về con chung: Ông Lê Hồng Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Quang T - sinh ngày 20/3/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Ông Q không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có.

4. Về án phí: Ông Lê Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002256 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Ông Q đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường N, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Minh Huệ**